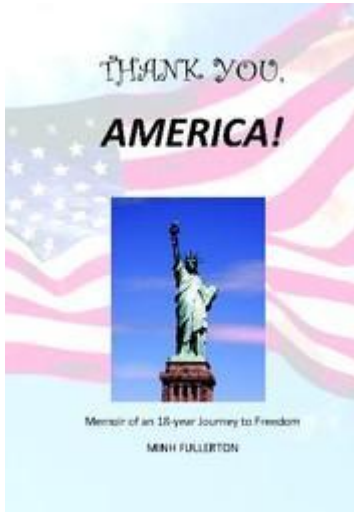


Độc 'Thank You, America!'

Tháng Tư buồn, đọc "Thank You, America!" của Minh Fullerton.

© Trần Giao Thủy.

Nguồn: © <https://petruskyaus.net> (Viewed 04/2023)



Hình bìa sách "Thank You America". © Ảnh ondemandbooks.

"Thank you, America!" là tựa cuốn sách 164 trang khổ 5,5" x 8" (crown octavo) của tác giả Minh Fullerton do Lee M Vo phát hành giới hạn vào tháng Ba năm 2015 và giữ bản quyền.

Sách hiện nay do trang Espresso Book Machine phát hành và cũng được bán ở một số hiệu sách tại California, Michigan, Massachusetts, Utah, New York, Philadelphia...

Hình thức

Cuốn sách chia làm hai phần. Phần I là 17 truyện ngắn về mười năm (1975-1985), tác giả sống trong nhà tù (nhỏ) của cộng sản Việt Nam.

Bảy truyện đầu cuốn sách – Đêm Thứ Ba mất ngủ năm 1975, Mẻ lớn, Chuyển đi vào bóng tối, Thử thách ngục tù phần 1, 2; Tận cùng đáy thăm phần 1, 2 – là tự truyện về thân phận tù nhân của chính tác giả.

Chín truyện sau đó, tác giả viết về những mẫu chuyện và nhân vật khác xung quanh 10 năm tù của ông, từ truyện tù nhân báo cho thế giới bên ngoài biết độ tàn bạo của ngục tù cộng sản bằng một cách vô cùng sáng tạo, truyện bẻ cái "ăng ten" của cai ngục, rồi những chuyện cười ra nước mắt trong các cuộc thăm nuôi, và có thể có cả chuyện tình yêu trong tù cộng sản, truyện mẹ cá nhỏ, truyện chọn làm lối ra, truyện người bốc mộ, truyện cây mận trên rừng, đoạn đầu của tình yêu đích thực khi tác giả vừa bước vào nhà tù lớn, rồi chuyện hai con vịt xấu xí...

Phần II, tác giả kể lại hành trình đến tự do và tìm lại những tấm chân tình ở nước Mỹ, phần lớn đã giải thích cho tựa cuốn sách của ông.

Giữa hai phần là bài thơ Black April.

Về tác giả

Là một học sinh trung học xuất sắc của miền Nam Việt Nam, đại diện cho trường Trung học Công lập Hồ Ngọc Cẩn ^[1], tác giả đã dự kỳ thi toàn quốc năm 1966 và đoạt giải nhất về môn Địa lý. Ông học xong Trung học, được miễn thi Tú Tài II đồng thời được học bổng USAID (United States Agency for International Development) đi du học tại Hoa Kỳ.

Một điểm phải nói ngay, tác giả là một người khiêm nhường. Ở trang 121, ông viết "Tôi may mắn được Giải Nhất môn Địa lý."

Nếu biết rằng người thanh niên 18 tuổi lúc đó đã ngồi suốt 6 giờ đồng hồ trong phòng thi để viết – bằng viết mực – một luận văn 10 trang so sánh hai nước Anh và Nhật

đồng thời vẽ 5 bản đồ minh họa bằng bút chì màu thì không ai có thể nói rằng ông “may mắn”.

Nhân tài hay học sinh giỏi của miền Nam dù không nhiều như anh hùng ở miền Bắc (vì ở ngoài đó “ra ngõ là thấy anh hùng” rồi). Nhưng thực sự miền Nam có học sinh giỏi, và không phải chỉ có ở những trường trung học nổi tiếng như Petrus Trương Vĩnh Ký hay Chu Văn An. Một điểm khác, chắc là tác giả phải giỏi địa lý nhân văn hơn ông Tổng thống Mỹ thứ 45 vừa chia buồn với Sri Lanka (dân số khoảng 21 triệu người) khi nói ít nhất “138 triệu người” dân Tích Lan vừa bị khủng bố giết trong ngày Chúa nhật Phục Sinh vừa qua. Không có dấu hiệu gì cho thấy Tổng thống Mỹ biết Sri Lanka nằm ở góc nào trên bản đồ thế giới.

Xuất dương du học từng là giấc mơ của nhiều thế hệ nam nữ học sinh trong suốt hai nền Cộng hòa ở miền Nam. Tuy thế không phải ai cũng có thể làm theo lời thầy đã dặn, “Các anh phải đi, và các anh phải về.”

Tác giả là một trong thiểu số rất nhỏ của 105 sinh viên Việt Nam đã du học Hoa Kỳ với học bổng USAID năm 1967, và năm 1971 đã trở về phục vụ quốc gia sau khi tốt nghiệp Cử nhân Địa lý. Hồ sơ hành chánh ghi tác giả là “Công chức cao cấp, hạng A, Chuyên viên Địa lý, Văn phòng Phủ Tổng thống”

Nhiều du học sinh khác đã ở lại vì những lý do khác nhau và bằng nhiều cách khác nhau. Một trong những sinh viên cũng du học với học bổng USAID, trở về Việt Nam sau tác giả, đã trở thành một người nổi tiếng trên báo chí vào mùa hè năm 1972. Đó là Nguyễn Thái Bình^[2], nhân vật khủng bố hàng không quốc tế, người cướp chuyến máy bay Pan Am 841. Vào năm 2010, không tặc Nguyễn Thái Bình đã được ông cộng sản Nguyễn Minh Triết truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cùng với Nguyễn Văn Lém (Bảy Lốp) cũng nổi tiếng với tấm hình Tết Mậu Thân do Eddie Adams chụp ở đường Ngô Gia Tự, khu Chợ Lớn.

Sinh cùng thời, cùng đi học ở Mỹ, người thanh niên xứ Cần Giuộc trở thành tên khủng bố quốc tế đồng thời là anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (Cộng sản Việt Nam) trong khi đó người con trai gốc Bến Tre “thành đồng cách Mạng” lại trở thành người tù của chế độ mới, của những người thắng cuộc, vì ông đã làm việc với chế độ bị gọi là bù nhìn bị tình nghi là cộng tác viên của CIA, người của đế quốc để lại năm vùng kiêu con ngựa thành Troy như cộng sản đã làm ngay khi ký kết hiệp định Geneva 1954 (trang 31-34). Phải chi ông giỏi toán thay vì xuất sắc môn địa lý, có lẽ tác giả đã trở thành khoa học gia vệ tinh của Mỹ hay là giáo sư đại học Canada như những người bạn đồng môn.

Tuy nhiên, tác giả là người tin vào số mệnh (trang 151-7), do đó có lẽ ông không đồng ý với giả thiết của người viết, vì trong số mệnh con người không có những chữ “nếu” và “phải chi”.

Đến trước ngày 30 tháng 4, 1965 tác giả là Trưởng (Chủ sự) Phòng Nghiên cứu tình báo đặc trách Chinh trị Bắc Việt (gọi tắt là Phòng Nghiên cứu miền Bắc) thuộc Nha Nghiên cứu (ban R), Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo Việt Nam.

Nội dung

Sau đây là tóm lược thân phận người tù và vài mẫu chuyện tác giả ghi lại những điều ông nghe thấy và cảm nhận được trong những năm tháng tù đầy.

Tháng Tư Đen

Cuộc chiến Việt Nam chấm dứt Một lãnh đạo tồi, một lỗi lầm tày mọt Saigon chao đảo Một quân lực ngỡ ngàng, đầu hàng trong thống khổ Thế giới lộn đầu Mất tự do Tài sản cướp lấy đi Tất cả thuộc về Nhà Nước Cộng sản muôn năm! Thức ăn hạn chế	Mặc quần theo luật Lệnh của Búa Liềm Hoan hô xã hội đại đồng! AK-47 sẵn sàng, đổ ai phản kháng? Đả đảo chủ nghĩa tư bản! Bọn Miền Nam thua cuộc trở về thời đồ đá. 30 tháng 4, 1975 (Lược dịch "Black April" của Minh Fullerton, "Thank You, America!", p.115)
---	--

Mười năm ngục tù (1975-1985)

Ngay trang trong của cuốn sách ký tặng anh bạn, tác giả ghi "...Rất hân hạnh". Người viết hỏi, "Ông là cái quái gì mà tác giả đã cho sách còn ghi 'rất hân hạnh' là sao?" và được trả lời, "Chắc ông ấy ứng xử kiểu sĩ phu Việt Nam; chữ Lễ là trọng."

Nói chuyện với một người khác về cuốn sách "Cảm ơn nước Mỹ!" viết bằng tiếng Anh, ông bạn hỏi, "Chắc tác giả là người thuộc thế hệ trẻ?"

Trẻ gì nữa, ở tù Việt Cộng cả 10 năm sau khi cả miền Nam mất ăn mất ngủ, thì trẻ thế nào được. Và đó chính là điểm cần chú ý. Người viết có rất nhiều người quen biết từ sơ đến thân, từ bằng hữu đến họ hàng, đã là tù nhân của chế độ độc tài độc đảng ở Việt Nam sau 1975 nhưng chưa có một người nào kể lại đời người tù cộng sản như tác giả, và lại kể bằng tiếng Anh. Do đó, cuốn "Thank You, America!" của Minh Fullerton tự nó đã là một đóng góp rất tốt cho lịch sử truyền khẩu (oral history) với thế hệ mai sau, nhất là những người sinh ra và lớn lên ở ngoài Việt Nam.

Đúng như người bạn đã giới thiệu, "Đây là một cuốn sách phải đọc."

Suốt cả cuốn sách người đọc sẽ khó mà tìm được những đoạn văn cường điệu, cường nộ, hằn học, hay thù hận. Minh Fullerton kể chuyện đời tù của mình bằng tiếng Mỹ nhưng bình tĩnh như Ăng Lê.

Người đọc sẽ ngạc nhiên, với một giọng văn bình thản, và giản dị Minh đã tả lại nụ hôn đầu đời với người yêu bằng một câu nói rất bình thường, "Anh yêu em" (trang 2-3); đoạn văn đó rung động hơn cả lời đối thoại giữa Cường (Johnny Trí Nguyễn) và Thúy (Ngô Thanh Vân) trong một đêm chạy trốn, ẩn náu ở một căn nhà hoang, và cảnh họ hôn nhau và làm tình trong phim "Dòng máu anh hùng" (The Rebel, 2007).

Trong "Thank You, America!" ông không (cần) kể chuyện làm tình cũng đủ để lên mây.

Minh không dùng những từ ngữ cao siêu, thời thượng, hay triết lý sâu thẳm. Câu chuyện là tập hợp những câu văn ngắn gọn. Đọc "Thank You, America!" người viết cảm thấy nó là đối cực của một tuyển tập đã đọc từ lâu, "Hợp Âm Trong Vùng Sân Khuất" của Mai Ninh do Thời Mới, Toronto phát hành năm 2000.

Minh Fullerton còn có những nhận xét rất tinh tế. Ông ghi lại chuyện nghe thấy ngày đến trường trung học Chu Văn An để trình diện đi "học tập" 30 ngày ở Bà Rịa (trang 11). Dù cổ họng đang nghẹn ông vẫn nhớ và ghi lại,

"Chúng ta bắt đầu làm lại cuộc đời như học trò, còn gì hợp hơn khi đến trình diện ở ngôi trường trung học này." (Trang 11)

Và Minh phải ngậm ngùi khi xe chở "trại viên" học tập cải tạo đến Làng cô nhi Long Thành lúc đó đã đổi tên là Trại Cải tạo Long Thành, "Mĩa mai thật, mình mất quê cha nên trở thành kẻ mồ côi." (trang 13).

Và đó mới chỉ là đoạn đầu của 10 năm gian lao trong ngục tù cộng sản. Chuyển đi vào bóng tối của Minh bắt đầu từ tháng Mười năm 1976; sau hơn một năm bị giam giữ ở Long Thành ông và 39 bạn đồng tù được đưa về tạm giam ở Thủ Đức với một số sĩ quan cấp Tá trước khi đưa ra miền Bắc bằng chiếc C-130 từ phi cảng Saigon Tân Sơn Nhứt đến sân bay Gia Lâm ở quận Long Biên, ngoại ô Hà Nội. Từ đó ông là tù nhân chính trị (hay cải tạo?) số CT 853 ở trại Hà Tây, Khu số 1, Láng A.

Ở trại tù Hà Tây Minh có thêm biệt danh mới. Bạn đồng tù gọi ông là "chàng trẻ tuổi tài cao" vì lúc đó ông mới 28 tuổi, là một trong hai người tù trẻ nhất trại tù này. Vì là một nhân viên tình báo cao cấp của chính phủ Việt Nam Cộng hòa nên bạn tù với Minh có những nhân vật từng giữ vai trò quan trọng trong chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Một là ông Quốc vụ khanh (trang 23) đặc trách hòa đàm, phó trưởng phái đoàn Việt Nam Cộng hòa tại hòa đàm Paris, rồi trưởng phái đoàn Việt Nam Cộng hòa trong hội nghị ở La Celle Saint-Cloud với Mặt trận Giải phóng Miền Nam. Người thứ hai là Chuẩn tướng Nhu, vị tư lệnh Cảnh sát Quốc gia sau cùng của nền Đệ nhị Cộng hòa, bạn tù trong ngục tối với Minh ở lán F, nơi trước đây cộng sản đã giam giữ những tù binh chiến tranh người Mỹ (trang 25-6).

Ghi chú ở cuối sách, tác giả cho biết ông chỉ dùng tên thật cho những nhân vật chính trị và đã đổi tên những người trong cuộc đời thường như một cách tôn trọng đời tư của họ. Tuy vậy, Minh Fullerton, ở vài chỗ, đã không nêu danh tính rõ ràng một vài nhân vật chính trị được đề cập đến trong sách.

Vị Quốc vụ khanh cùng tù với Minh là ông Nguyễn Xuân Phong, cũng có thể xem là một "chàng trẻ tuổi tài cao" vì ông, một sinh viên, gia đình gốc Bến Tre, đi học ở Paris và London (London School of Foreign Trade, và đại học Oxford) trong những năm cuối thập niên 1940 và những năm 1950, tham gia vào nội các chính phủ Việt Nam Cộng hòa khi mới 29 tuổi, là Bộ trưởng Bộ Lao động từ những năm 1965-66. QVK Nguyễn Xuân Phong ra khỏi trại tù Hà Tây ^[3] (Láng A15) vào tháng Một, 1980, qua đời ngày 29 tháng 7 năm 2017 tại Orlando, Florida U.S.A. sau một thời gian dài làm việc nghiên cứu ở Trung tâm và Thư khố Việt Nam (Vietnam Center and Archive) ở Đại học Texas Tech.

Vị Tư lệnh phó Cảnh sát Quốc gia sau cùng là Chuẩn tướng Bùi Văn Nhu, một người được Minh quý trọng vì đã giữ được phẩm cách con người dù bị kẻ thắng cuộc làm

nhục trong ngục tối. Chuẩn tướng Nhu lâm bệnh và mất trong tù vào ngày 15 tháng 3, 1984 ở trại tù Nam Hà ^[4].

Những nhân vật chính trị khác không được nêu rõ danh tính trong "Thank You America!" là viên chức chỉ huy sau cùng của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo (PĐUTƯTB) sau khi ông thiếu tướng Đặc ủy trưởng kiêm tư lệnh Cảnh sát Quốc gia bỏ trốn ngày 24 tháng 4, 1975, chỉ một ngày sau khi người bà con thân tín của ông là Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu chạy khỏi Việt Nam ngày 23 tháng 4, 1975 (trang 4-5).

Sáu giờ chiều ngày 30 tháng 4, ông Nguyễn Phát Lộc nói với toàn thể nhân viên thuộc cấp đang tụ họp chờ được Mỹ di tản như đã dự định:

"Tôi không còn hy vọng gì về cuộc di tản. Người Mỹ đã bỏ rơi chúng ta. Anh chị em có thể tự di tản. Tôi xin lỗi đã không làm tròn lời hứa. Tôi ở lại với con tàu vì chúng ta còn chính phủ. Anh chị em cứ đi theo ý của mình. Chúc anh chị em may mắn. Tạm biệt." (Trang 6)

Vị Đặc ủy trưởng sau cùng của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo do Tổng thống Trần Văn Hương bổ nhiệm là ông Nguyễn Phát Lộc và người chỉ huy bỏ trốn và không bàn giao nhiệm sở cho thuộc cấp mà Minh Fullerton không nêu tên là thiếu tướng Nguyễn Khắc Bình.

Minh Fullerton ghi rõ là ông không trách người Mỹ đã bỏ Việt Nam. Minh hỏi, "Tại sao người Mỹ không bỏ Nam Hàn và Tây Đức" và nghĩ rằng "Tiên trách kỷ hậu trách nhân". Minh đặt trách nhiệm đánh mất miền Nam vào sự bất tài và tham nhũng của Tổng thống Thiệu và nhân viên chính phủ của ông, trong đó có cả chính tác giả (trang 32).

Trở lại lán F, ngục tối ở trại tù Hà Tây.

Trước khi lên chiếc C-130 ra Bắc, Minh đã phải viết tay bản tự khai lý lịch và việc làm đến cả 10 lần. Vẫn chưa đủ, yêu cầu sau cùng của quản giáo ở trại tù Long Thành với Minh là hãy viết "làm thế nào anh có thể giúp củng cố thành công của Cách mạng?" Minh hớn hở và ngây thơ viết lại tất cả kiến thức của mình về địa lý, về những kinh nghiệm trong đời du học sinh. Ông nghĩ rằng phần giáo dục ở Mỹ của mình sẽ có ích cho chế độ mới, ông sẽ có việc làm sau khi "cải tạo" xong.

Ngục tối Hà Tây đã cho Minh thấy thực tế phũ phàng. Cai ngục ở Hà Tây đã trì triết:

"Anh giám đũa với Cách mạng à? Chúng tôi bảo anh viết 'làm thế nào để có thể giúp củng cố thành công của Cách mạng' mà anh lại viết toàn thứ rác rưởi. Tại sao anh không viết về chiến lược hậu chiến của các anh? Anh đã ra lệnh cho bao nhiêu mật vụ ở lại nằm vùng? Họ là ai? Họ ở đâu? Cỗ vấn Mỹ của anh đã nói gì với anh về chương trình hậu chiến của người Mỹ?" (Trang 31)

Trời ạ! Minh nào có giấu diếm điều gì với quản giáo. Ngay cả khi Ông Tổng thống ba ngày ra lệnh đầu hàng, Minh đã được lệnh không thiêu hủy bất cứ tài liệu nào của sở vì người ta vẫn đại khờ tin rằng sẽ cộng quân sẽ ngừng cuộc tấn công và sẽ có thỏa hiệp hòa bình, có chính phủ ba thành phần.

Dù không bị tra tấn thể xác nhưng bên cạnh những câu hỏi đay nghiến về hoạt động gián điệp, về quan hệ với CIA và ngay cả về Đại học California ở Fullerton nơi Minh

theo học ngành Địa lý là những bữa ăn bị cắt giảm lại. Minh bị bỏ đói, dẫn vật, tra khảo như vậy suốt mười tháng trong lúc bị biệt giam ở lán F.

Bốn tháng sau đó Minh thư thả hơn, có đủ giấy, bút, mực để viết lại đời mình từ thuở bé cho đến ngày cuối cùng làm việc trên... ba trăm trang giấy. Và đây là cơ hội để Minh thú tội. Như một nhân chứng, Minh thành khẩn miêu tả sự bóc lột tồi tệ của bọn tư bản Mỹ.

"Tôi đã bị đế quốc Mỹ lừa ngay khi vừa đặt chân lên chiếc Boeing 707 của hãng hàng không Pan Am. Nó không phải làm bằng giấy như các cán bộ đã tuyên bố! Nó là một phi cơ chắc chắn với đủ loại kỹ thuật quý quí đã lừa tôi ngày càng lún sâu..."

"Tôi đã chứng kiến sự dơ bẩn của chủ nghĩa tư bản ở mức tồi tệ nhất của nó khi đi thăm xưởng chế tạo xi măng ở Fontana, California. Dĩ nhiên, đó không phải là một nhà máy của nhân dân; vì thế, công nhân ở đó không thể xung phong xin làm thêm giờ mà không nhận thù lao. Bọn ma vương chủ nhân ông đã nguy trang sự bóc lột của chúng bằng cách trả lương cao cho sức lao động của những nhân công ở đó. Công nhân viên của xưởng xi măng này đều lái xe hơi (ô tô) đến sở làm việc chứ không đi bộ hay đi xe đạp. Năng lực của họ để dành cho bọn tư bản bóc lột..." (Trang 35-36)

Sau mười bốn tháng bị thẩm vấn ở lán F, Minh được đưa trở lại lán A vào tháng Hai, 1978 và được xếp vào nhóm làm gạch. Tận cùng đáy thăm đang đợi người tù khổ sai.

Lán A hay Lán F ở trại giam Hà Tây vẫn là những nhà tù không ai biết ở nơi nào vì tù nhân chỉ được phép dùng hộp thư số mã số 15 NV để thư từ với người thân. Trong những ngày tháng tuyệt vọng trong tù đó Minh đã viết thư nhắn với vợ chưa cưới đừng đợi ông về. Giữa năm 1978, lần đầu tiên Minh nhận được gói quà đầu tiên mẹ ông gởi. Trong thư, qua nét bút của người em, mẹ Minh dặn ông giữ gìn sức khỏe để còn về thăm mẹ; một cách khác, mẹ ông cho hay ông không còn vợ chưa cưới nữa.

Họa vô đơn chí. Vài ngày sau khi nhận gói quà đầu tiên của mẹ, Minh được một cán bộ cộng sản cao cấp từ Hà Nội đến thăm vấn và đưa cho Minh một đề nghị và không muốn ông từ chối. Sau đây là mẫu đối thoại giữa hai người (trang 38-40)

- Chúng tôi sẽ thả anh và thu xếp cho anh trốn sang Mỹ, với một điều kiện ... anh phải làm việc cho chúng tôi.
- Thưa cán bộ, tôi đã tự hứa sẽ không bao giờ dính dáng đến tình báo nữa... từ nay tôi chỉ muốn làm người dân thường.
- Anh dám khước từ ân huệ của Cách mạng à?
- Xin lỗi cán bộ tôi không xứng đáng với danh dự đó [...]
- Hãy vẽ cho tôi sơ đồ bí mật tổ chức của Nha Nghiên cứu Tình báo của anh.
- Thưa cán bộ, tôi không biết gì về nó. Tôi đã nói với những cán bộ khác là chúng tôi không có cơ cấu quyền lực như kiểu của đảng Cộng sản.
- Nói láo! Thiệu có đảng của hắn. Anh phải có chân trong đó. Anh được việc làm ngay sau khi mới ở Mỹ về. Đừng giả ngây thơ với tôi!
- Thưa cán bộ, tôi không biết nói gì hơn. Không ai rủ tôi vào đảng của ông Thiệu hết. Tôi không biết ai là đảng viên trong Nha của tôi.

- Tôi cho anh một cơ hội cuối cùng làm việc cho Cách Mạng: theo dõi, dò xét sếp của anh, NKT, cho chúng tôi. Tôi sẽ thu xếp cho anh ra nhà tù Hỏa Lò với NKT.
- Không, cảm ơn cán bộ. Tôi không làm được chuyện đó với ai hết; tôi không thể nào phản lại thượng cấp của mình.

Minh bình tĩnh, cười mỉm, khước từ cảm dỗ của viên cán bộ cộng sản và đọc cho y nghe hai câu thơ thể kỷ thứ 18:

*"Sự đời đã tắt lửa lòng
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi"*
(Nguyễn Du, Đoạn trường Tân thanh)

Mất kiên nhẫn trước lòng dạ sắt son của Minh, người cán bộ cộng sản Hà Nội xô ghế đứng dậy chỉ vào mặt ông, nói

- Anh đúng là một điệp viên CIA. Tôi đã lộ mặt nạ anh. Hãy đợi mà xem!

Trong sách, Minh Fullerton chỉ ghi tên thượng cấp của ông là NKT. Người đó chính là Giám đốc ban R (Nha Nghiên cứu Tình báo) Nguyễn Kim Thúy. Bốn năm sau khi cộng sản không chiêu dụ được Minh phản bội, ông Thúy đã chết tại nhà tù Hỏa Lò ^[5] ngày 7 tháng 6 năm 1982. Vị Đặc ủy trưởng sau cùng của Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo, ông Nguyễn Phát Lộc đã chết ở trại tù Nam Hà ^[6].

Bị đàn áp, khủng bố tinh thần trong những ngày tù biệt giam, buồn vì cha mất, và đòn chí tử của người cán bộ cộng sản Hà Nội đã đưa Minh đến quyết định viết lá thư sau cùng gửi cho mẹ, tuy đau buồn vì sẽ ra đi nhưng Minh cũng nói với mẹ, ông vui vì sẽ gặp lại cha mình. Minh viết, "Vĩnh biệt trần gian khổ khổ và đảo lộn này..."

Chàng "tuổi trẻ tài cao", Chủ sự Phòng Nghiên cứu Tình báo về Chính trị Bắc Việt, đầy hiểu biết về địa lý nhưng không đủ kiến thức về hoá chất thuốc tây nên đã thất bại trong cuộc quyên sinh. Hai mươi viên trụ sinh, hai mươi viên thuốc cầm tiêu chảy, bốn mươi viên aspirin và một mớ thuốc vitamin chỉ đủ làm Minh bất tỉnh rồi ói mửa đầy màn chiếu, và phải cầu cứu với anh bạn tù bên cạnh vào buổi sáng hôm sau. Anh bạn tù vỗ vai Minh, cười nói, "Chú mày đầu lớn con gì, lần tới muốn chết thì chỉ cần mười viên ký ninh là xong." (trang 44).

Người ta đồn đãi Minh tự tử vì tình. Ông chẳng dính chính với ai trừ viên thiếu úy Nhi, công an phụ trách liên lạc giữa trại giam và Hà Nội, người đã đưa cán bộ cộng sản Hà Nội về thăm vấn Minh trước đó. Nhi nói sẽ đề nghị kỷ luật người cán bộ ở Hà Nội vì đã dẫn y trước là không nên làm áp lực quá đáng với Minh. Nhi đưa giấy viết để Minh viết lời tự phê và buộc phải có lời hứa sẽ không quyên sinh nữa.

Từ đó Minh được cán bộ nhà giam đối xử một cách thân thiện hơn. Nhi bắt đầu đưa cho Minh sách tiếng Anh để dịch. Điều đó khiến một số bạn tù nghi ngại ông đã cộng tác với kẻ thù, dịch thuật để trốn khỏi đi làm lao động. Nhưng với Minh, đó là cơ hội trời cho để ông chứng minh Mỹ tốt đẹp hơn Nga Tàu. Sau khi chiến tranh biên giới Việt-Trung bùng nổ năm 1979, Minh lại tiếp tục dịch những cuốn sách viết về Chiến lược của Trung Cộng do các nhóm chuyên gia cố vấn của Mỹ nghiên cứu. Thật mỉa mai, Minh lại trở về lãnh vực nghiên cứu tình báo dù vẫn ở trong tù.

Minh đã tuần tự dịch sách tiếng Anh và đưa cho một cán bộ phóng viên làm cho tờ báo Quân đội Nhân Dân đối lấy bánh, trà, thuốc lá mỗi hai tuần. Sau này Minh thấy bài của mình dịch đăng trên báo Quân đội Nhân dân nhưng tên dịch giả là một ông

Đại tá từng giữ chuyên mục "Số tay chiến sự" trong thời chiến tranh. Ông Đại tá từng tuyên bố:

"Thời đó tôi có học Cụ Hồ câu này: 'Ta nhất định thắng, địch nhất định thua'. Bác dặn tuyên huấn các chú không được giết thêm một thằng địch nào, bắn rơi 1000 máy bay phải nói 1000 chứ không được nói 1001... Vì thế, trong tin của tôi có hai yếu tố, một yếu tố xác định và một yếu tố không xác định. Nếu ta thắng thì nói số địch bị diệt còn không nói số quân ta thương vong, thương vong 10 mà nói bốn hay nói một, như thế mới là nói dối, còn như ta chỉ là không nói thôi. Nói thế là không dối bà con mà là tôi đang nói dối thằng địch đấy chứ. Đó là nghiệp vụ của làm tin thời chiến."

Mai Anh, "Làm tin chiến tranh là chiến đấu về chính trị."

Nhưng thời bình thì ông Đại tá cộng sản vẫn thản nhiên ký tên trên bài dịch của một thằng địch đang ở trong tù?

Minh vẫn còn nhớ rõ đã dịch một cuốn sách nói về Thuyền nhân năm 1982 nhưng vẫn không hiểu tại sao cộng sản lại đưa cho ông dịch một cuốn sách đầy những câu chuyện khủng khiếp về chế độ. Với ông đó là cơ hội để tấn công cộng sản mà không sợ bị trả đũa.

Đó một vài điểm nổi bật trong bảy truyện đầu cuốn sách nói về mười năm Minh đi tù cộng sản.

Vài mẫu chuyện quanh đời tù nhân

Bài ca mật mã (Trang 47-53)

Trong "Thank You, America!" Minh cũng thuật lại một số những mẫu chuyện ông đã nghe thấy trong nhà tù khắc nghiệt của cộng sản. Năm 1976 cộng sản bí mật đưa nhiều chục ngàn sĩ quan và công chức cao cấp Việt Nam Cộng hòa ra giam giữ ở những trại tù miền Bắc. Mỗi năm năm sau, trước áp lực của thế giới vì làn sóng Thuyền nhân tị nạn, chính quyền cộng sản mới cho phép một số phái đoàn quốc tế, đã được gạn lọc, đến viếng những trại tù bí mật ở đây. Họ muốn chứng tỏ với thế giới đó là những trại cải tạo chứ không không phải là nhà tù, trại viên (tù nhân) không biết Anh ngữ; họ được đối xử tử tế, và không bị bắt buộc lao động khổ sai. Những buổi diễn kịch như vậy là lúc nhà tù được thu dọn sạch sẽ, tù nhân được ăn cơm và khách viếng thăm còn được xem những màn văn nghệ do trại viên trình diễn (vì đây là những sinh hoạt bình thường của họ ở trại cải tạo!)

Trong những buổi trình diễn như thế, những bản nhạc ngoại quốc của The Shadows, The Ventures, như Apache, Hawaii 5 O, v.v. là những lựa chọn thích hợp và cũng là những bản nhạc mà cán bộ nhà giam thích hơn là những bài ca cộng sản mà họ đã nghe đến nhàm chán.

Trước khi trở thành tù nhân cộng sản, Minh đã nghe người Mỹ phát thanh suốt cả ngày bản "White Christmas" vào cuối tháng Tư, 1975 làm mật hiệu tập hợp di tản. Tàn cuộc chiến tranh, Minh với tất cả thượng cấp và thuộc cấp đồng sở đã bị đồng minh bỏ rơi. Bài hát đó hẳn vẫn đậm nét trong ký ức của ông. Nhưng còn một bài hát khác mà Minh cũng không thể quên được khi ở trại tù Hà Tây. Bạn đồng tù với ông đã mượn cơ hội trình diễn văn nghệ để báo cho thế giới bên ngoài biết sự thật người tù trong chế độ cộng sản bị đối xử tàn tệ đến mức nào. Đó là bản nhạc trong phim Cầu sông Kwai, nổi tiếng từ đầu thập niên 1950. Bản nhạc chấm dứt và cả hội trường đều

nghe rõ tiếng “Cảm ơn” thật lớn. Một vài nhạc sĩ liếc mắt nhìn đoàn khán giả quốc tế ra về và nhận được những cái gật đầu cho biết họ đã hiểu được bản mật mã: những người tù ở đây bị đối xử tàn nhẫn không khác gì những tù nhân của quân phát xít Nhật ở Miến Điện trong những năm 1942-43, trong truyền hình Bridge on the River Kwai, một trong những phim hay nhất của nước Anh trong thế kỷ thứ 20.

Thăm nuôi (Trang 60-67)

Bốn năm đầu sau ngày 30 tháng 4, 1975, thân nhân gia đình không được phép đi thăm những tù nhân cộng sản ở miền Bắc. Mãi đến cuối năm 1979, cộng sản Việt Nam vì áp lực nhân quyền của thế giới, vì thành công rực rỡ của Cách mạng đã cho dân cả nước ăn bo bo, khoai mì, khoai mỡ thay cơm mới phải mở cửa lao tù cho vợ con và gia đình được đi thăm những người tù chính trị. Trong những chuyến đi thăm tù như vậy, những người thiếu phụ, những bà mẹ già miền Nam đã phải ngồi trên xe lửa vài ngày, vượt hàng ngàn cây số, rồi đi xe đò và vài giờ lội bộ trên những đoạn đường đất gập ghềnh, tay xách nách mang để rồi chỉ được chồng, con, anh, em 15 phút ở trại tù ở miền Bắc. Những cuộc thăm nuôi ngắn ngủi đó đã phải tăng dân lên đến vài ngày mỗi lần một phần vì sự phản đối mãnh liệt của những người vợ người mẹ miền Nam; mặt khác vì những món hàng mại lộ mà cán bộ cai tù nhận được trong những cuộc thăm nuôi – từ rượu mạnh đến xô cô la, từ bơ đến thuốc gọi đầu, toàn hàng của bọn đế quốc tư bản mà người miền Nam đã nhận được từ người thân đã vượt biển vượt biên tị nạn cộng sản. Đám sinh viên thân cộng ở nước ngoài, sau ngày 30 tháng Tư, 1975, đã gọi người tị nạn là bọn bám theo chân đế quốc để được ăn bơ thừa sữa cặn. Trong đám sinh viên thân cộng đó, ở Pháp, ở Mỹ, ở Canada, đã có ai dám cầm viết ghi lại sự thực như Minh Fullerton hay vẫn ngậm miệng làm thinh dù mắt chưa mờ và tai vẫn còn nghe?

Như đã viết, Minh là thanh niên Saigon, gốc Bến Tre, lời văn ông bình dị. Ông không có những đoạn văn thêu thào triết lý như “đá ngáy ngô”, “đá buồn”. Minh Fullerton viết bốn năm đầu đói khổ nhọc nhằn khiến những người tù cộng sản kiệt sức đến nỗi không còn chào cờ được vào mỗi sáng. Và nếu không đã chào cờ nổi thì dù giỏi địa lý nhất miền Nam năm 1966, Minh cũng không đủ sức vẽ bản đồ dù ông là thanh niên ở tuổi mới ba mươi, nói gì những bạn tù lớn tuổi hơn ông. Nhưng sau những cuộc thăm nuôi dài ngày, Minh được bạn tù kể lại chuyện vợ đi thăm nuôi mình, ngoài chuyện bị mất quà, vợ anh còn bị cướp lột áo quần làm tình tại chỗ, nhưng không hề khai báo. Minh tỏ vẻ ngạc nhiên thì anh bạn hớn hở, cười to nói rằng “Thằng cướp đó là tôi!”

Đọc “Thanh You, America!” người viết không thể không so sánh ông Chủ sự Phòng Nghiên cứu Tình báo Việt Nam với điệp viên James Bond MI6 của Ian Fleming. Cùng là chuyên viên tình báo, nhưng quanh Bond lúc nào cũng có những cô gái tóc vàng, tóc nâu, mắt xanh hay màu hạt dẻ và những pha làm tình nóng bỏng; còn Minh Fullerton, ông vẫn chỉ là một trai tân. Bạn đồng tù gọi ông là “chàng trẻ tuổi tài cao” nhưng lắc đầu tội nghiệp trước những câu hỏi ngô nghê của một anh chàng chưa vợ vì Minh không hiểu tại sao anh bạn giương bên, mỗi tối lại xoa lòng bàn tay của mình trên những sợi lông mềm mại của cái bàn chải đánh giầy lật ngửa,

“Ngu thiệt, chú mày sẽ hiểu khi có vợ. Qua không nói bây giờ. Đó là chuyện của đàn ông.”

Và Minh thú thật là ông chỉ hiểu chuyện cái bàn chải đánh giầy lật ngửa khi có vợ lúc đã gần 40 tuổi.

Người bốc mộ (Trang 88-93)

"*Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi*", câu cuối của bài thất ngôn tứ tuyệt Lương Châu Từ của Vương Hàn nói lên thực tế của chiến tranh ở mọi thời đại. Có chiến tranh là có tử sĩ bỏ mình ở mặt trận, có người đi không trở lại. Nhưng dường như văn học sử không đề cập nhiều đến những nạn nhân trực tiếp khác của cuộc chiến, những người chinh phụ trở thành góa phụ. Cuộc nội chiến sau cùng của Việt Nam đã tạo ra rất nhiều góa phụ. Ngay cả khi tiếng súng đã ngừng, nhưng cuộc chiến chưa chấm dứt. Vì thế vẫn còn rất nhiều người phụ nữ miền Nam đã trở thành góa phụ, khóc chồng bỏ xác ở những trại tù miền Bắc. "*Người bốc mộ*" là một câu chuyện Minh Fullerton đã ghi lại về một người như thế trong cuốn sách của ông.

Tù nhân chết là chuyện hàng tuần ở trại tù cộng sản. Minh Fullerton đã thấy nhiều thiếu phụ đi thăm chồng trong những tháng năm ông ở trại tù Hà Tây. Một trong những thiếu phụ đó là bà T., vợ một Trung tá Lực lượng Đặc biệt. Khoảng giữa năm 1979, lần đầu tiên Minh thấy bà T. nhể nhại mồ hôi trên trán lẫn dài xuống má, với một vết chàm bên dưới tai trái. tay rách nát mang. Bà T. tất tả đến thăm chồng ở trại tù. Đó cũng là lần cuối bà gặp mặt chồng. Quà và thuốc men bà mang theo không kịp để cứu Trung tá T. Ông qua đời vì cơn bệnh trầm trọng đã vương mắc từ lâu.

Ba năm sau, 1982, tình cờ Minh gặp lại bà T. trên đường đến trại tù. Lần này bà đi với một một cộng quân trẻ mà bà vội vã giới thiệu là con. Con trai một cựu sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng hòa trở thành lính của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Minh ngỡ dường như có điều gì không thật. Hai mẹ con bà T. đi viếng mộ chồng và cha lần này cũng có thể là lễ mãn đại tang của họ. Sau khi trình diện với cán bộ ở trạm gác, hai mẹ con bà T., dường như đã quen đường biết lối, đi thẳng ra khu mộ tù binh. Đến 3 giờ chiều, Minh vẫn thấy hai mẹ con bà T. ở bên mộ và thường thì người thân thăm tù cũng phải rời trại từ lúc 2 giờ để kịp đón xe về Hà Nội. Với Minh, chuyện hai mẹ con bà T. ngồi nhiều giờ bên mộ tưởng chừng sẽ là bí mật muôn đời.

Lần thứ ba, cũng một sự tình cờ, năm 1996, Minh gặp lại bà T. – với vết chàm không thể quên ở bên tai trái – tại văn phòng cấp giấy phép lái xe, nha lộ vận tại California, nơi Minh đang làm việc. Sau khi giúp bà T. làm xong giấy tờ Minh xin phép gặp lại bà T. một dịp khác ngoài giờ hành chánh. Và dưới đây là chuyện của người góa phụ tên T.

Gia đình Trung tá T. tan nát khi ông bị bắt giam rồi chết trong tù; 1982 con trai ông bị bắt nhập ngũ vì chính quyền cộng sản lúc đó đang thiếu lính cho chiến trường K. Thí quân là đoàn quân đi đầu làm bia trước khi lính chính quy của cộng sản tiến vào Nam Vang. Bà T. lập kế hoạch nhất định trốn thoát khỏi Việt Nam nhưng bà cũng quyết tâm không để chồng ở lại, dù lúc đó Trung tá T. chỉ còn là đồng xương tàn.

Bằng cách nào và nghĩ gì mà bà T. đã dám đi bốc mộ chồng ở trại tù Hà Tây mà không sợ bị bắt? Bộ quần áo tân binh cộng sản của người con trai đã là tấm bình phong che mắt cán bộ trại tù. Bà T. đã cho Cán bộ trưởng trại tù xem giấy gọi nhập ngũ của người con và nói dối rằng con trai bà nóng lòng mặc bộ quân phục của đoàn quân tình nguyện nhất thế giới, và hôm nay đến đây để tạ lỗi với cha, xin ông tha thứ vì đã gia nhập đoàn quân đã đánh bại cha mình.

Hai mẹ con bà T. bốc mộ, lau rửa bộ xương bằng rượu để trộn lẫn mồ hôi và nước mắt dưới ánh nắng gay gắt ngày hè năm 1982. Tối hôm đó bà T. ở lại quán trọ gần trại tù, và bí mật rửa lại xương chồng một lần nữa. Bà không muốn ai biết việc bà đi bốc mộ từ Hà Tây đi xe lửa về lại miền Nam, hỏa táng, trước khi mang tro cốt của Trung tá T. cùng lên đường vượt biển.

Đời sống tâm linh, dù có khác, nhưng nhất định đó là một giá trị nhân văn thiêng liêng ở mỗi con người. Tình yêu là sức mạnh vô biên. Hai yếu tố đó đã giúp gia đình bà T. vượt biển, thoát khỏi chế độ cộng sản bất nhân, phi nghĩa tìm đến một chân trời mới ở đó mới thực sự là một xã hội công bằng dân chủ văn minh và nhân bản.

Bài viết này hẳn sẽ không có nhiều độc giả thế hệ Y hay thuộc thiên hi thế đại (millennials) trong cũng như ngoài nước Việt Nam. Đã 44 năm chiến tranh chấm dứt, địa lý nổi liền, nhưng lòng người Việt Nam chưa thống nhất. Và làm gì đã có nỗi vòng tay lớn. Người viết mong bạn đọc sẽ tìm đọc và giới thiệu cuốn "Thanh You, America!" đến thế hệ con em, nhất là những người trẻ tuổi ở Việt Nam và gốc Việt Nam ở những nơi khác để họ có thể dễ thông cảm hơn với người miền Nam những thế hệ trước và có thêm kiến thức về sự thật cuộc nội chiến Việt Nam đẫm máu và nước mắt với những hệ lụy của nó.

Để tưởng nhớ và tri ân những người tù Cộng sản Việt Nam, những người chiến sĩ miền Nam, còn sống hay đã qua đời, cũng như những chinh phụ và góa phụ của quân cán chính Việt Nam Cộng hòa.

© **Trần Giao Thủy.** (PK 64-71)

Ghi chú:

[1] Công sở tọa lạc tại số 1A đường Lê Quang Định thuộc tỉnh lỵ Gia Định, ngang chợ Bà Chiểu và xẽ lằng Tả quân Lê Văn Duyệt. Sau ngày 30/4/1975, trường đổi tên là trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu. Chế độ mới chủ trương xóa tên Hồ Ngọc Cẩn vì đó là tên của Giám mục Đa Minh Maria Hồ Ngọc Cẩn, người Việt tiên khởi của Hạt Đại diện Tông Tòa Bùi Chu và cũng là Giám mục người Việt thứ hai của Giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam.

[2] Trần Giao Thủy, "Khủng bố hay anh hùng?", DCVOnline, Feb. 26, 2015.

[3] The Vietnam Archive, Oral History Project, Interview with Nguyen Xuan Phong, Conducted by Richard Burks Verrone, Ph.D., <https://www.vietnam.ttu.edu/reports/images.php?img=/OH/OH0250/OH0250-1.pdf> and 10 more

[4] Wikipedia.org, "Bùi Văn Nhu"

[5] Anonymous March 4, 2019 at 4:50 AM: "Nguyễn Kim Thúy, giám đốc ban R. Sau khi bị bắt và bị luân chuyển qua nhiều nhà tù ở Bắc Việt, cuối cùng đã chết trong nhà tù Hỏa Lò tại Hà Nội ngày 07 tháng 6 năm 1982. Vợ con của ông ấy bị kẹt lại SG cho tới ngày nay."

[6] Huy đức, "Bên thắng cuộc I", Giải Phóng, OSINBOOK 2012, Danh mục sách tham khảo (#32); chú thích số 49.

(Một số hình ảnh minh họa từ bài viết hay sưu tầm trên NET (NNQ).)

Các bài viết cùng tác giả hay cùng chủ đề (NNQ sưu tầm).

❖ **Huyền thoại về Henry Kissinger (Thomas Meaney | Trần Giao Thủy).** Trong hơn sáu mươi năm, tên của Henry Kissinger đã đồng nghĩa với học thuyết chính sách đối ngoại được gọi là "*chủ nghĩa hiện thực*". Trong thời gian làm cố vấn an ninh quốc gia và Ngoại trưởng cho Tổng thống Richard Nixon,

việc ông sẵn sàng nói chuyện thẳng thắn về việc Hoa Kỳ theo đuổi quyền lực trong một thế giới hỗn loạn đã đem đến cho ông cả sự nổi tiếng và tai tiếng. Sau đó, vụ án chống lại ông được xây dựng, củng cố bằng một dòng tài liệu giải mật ghi lại những hành động trên toàn cầu. Seymour Hersh, trong "Cái giá của quyền lực" ("The Price of Power", 1983), đã miêu tả Kissinger như một kẻ hoang tưởng không có gì nổi bật; Christopher Hitchens, trong "The Trial of Henry Kissinger" (2001), coi cuộc tấn công của ông như một bản cáo buộc truy tố Kissinger là tội phạm chiến tranh... **Đọc tiếp** @ <https://dcvonline.net> (18/11/2021)

❖ **Bí mật vĩ đại cuối cùng của Chiến tranh Việt Nam (George J. Veith – Trần Giao Thủy dịch).** Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, một đồng minh lâu đời của Bắc Việt, có thể đã tìm cách tạo ra một miền Nam Việt Nam trung lập vào năm 1975 và phủ nhận chiến thắng mà Hà Nội mong đợi từ lâu.

Tiết lộ này là kết quả của hơn mười năm phỏng vấn và trao đổi với Nguyễn Xuân Phong qua email trước khi ông qua đời vào tháng 7 năm 2017... Theo ông Phong, nhiều tin nhắn từ phía Trung Hoa đã được chuyển cho ông nhằm tìm cách thiết lập đối thoại với ông Thiệu, nhưng tổng thống miền Nam Việt Nam (VNCH) không trả lời...

...Ông Phong nói, *Trung Hoa rất muốn Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam nắm chính quyền bằng công thức liên hiệp của Pháp với Minh để ngăn chặn sự tiếp quản của Bắc Việt.* Sau khi một chính phủ liên hiệp thành lập, Minh sẽ lên tiếng kêu cứu. Người Pháp sẽ trả lời rằng một lực lượng quốc tế sẽ vào Nam Việt Nam để bảo vệ chính phủ mới. "Cơ bắp" ban đầu, như ông Phong gọi, sẽ là "hai sư đoàn Nhảy Dù của Trung Hoa vào Biên Hòa." Bắc Kinh yêu cầu có 4 ngày để điều động quân đội của họ và đưa quân Trung Hoa đến căn cứ không quân Biên Hòa. NX Phong giải thích suy nghĩ của họ:

"Bắc Kinh không thể trực tiếp tiến tới và làm trực tiếp làm việc này, nhưng họ cho mọi người biết rằng họ đang ... để người Pháp làm công việc đó! Vì chính trị quốc tế ... Bắc Kinh không thể ngang nhiên can thiệp quân sự vào miền Nam Việt Nam. Pháp sẽ cần phải vận động với một số quốc gia khác tham gia vào một 'lực lượng quốc tế' (với Pháp là đầu tàu) để cho phép Bắc Kinh can thiệp. Có một số vấn đề Bắc Kinh phải đương đầu: Họ phải điều động một số quân là bao nhiêu, và họ phải ở lại miền Nam bao lâu để be bờ và đàn áp quân đội của Bắc Việt? Họ hứa rằng họ sẽ ở lại khi nào tình hình còn đòi hỏi, nhưng Trung Hoa nghĩ rằng từ ba đến sáu tháng là khoảng thời gian tối đa mà họ có thể tham gia... bởi vì họ không muốn bị buộc tội chiếm miền Nam Việt Nam bằng quân sự..." **Đọc tiếp @ [TAI ĐÂY](#)**

❖ **Sài Gòn thất thủ: nhìn lại ngày chiến tranh Việt Nam kết thúc (Martin Woollacott – Trần Giao Thủy).** Quân đội Bắc Việt tiến vào thủ đô Sài Gòn vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, đánh dấu thất bại nặng nề nhất trong lịch sử quân sự Hoa Kỳ. Bốn mươi năm sau khi đưa tin về những sự kiện này cho Guardian, Martin Woollacott đã suy nghĩ về ý nghĩa của ngày lịch sử đó với tương lai của cả hai quốc gia.

Một ngày sau khi quân Bắc Việt chiếm Sài Gòn, bài ca chiến thắng đã đánh thức cả thành phố. Trong đêm, những công binh của bên thắng cuộc đã dựng loa phóng thanh, và từ khoảng 5 giờ sáng, đã không ngừng phát đi những bài ca giải phóng. Đó là ngày 30 tháng 4 năm 1975, và ánh nắng sớm chói chang chiếu sáng những con đường phân lớn vắng tanh ở Sài Gòn, vào thời điểm mà thông thường giao thông điên cuồng của thành phố đã bắt đầu nhộn nhịp. Nhưng hầu như không ai biết phải làm gì – có đi làm hay không, có mua gì ở chợ hay không, có xăng hay không, hoặc liệu có thể nổ ra cuộc chiến mới hay không. Tất nhiên, không chỉ thói quen hàng ngày của Sài Gòn đã bị gián đoạn hoàn toàn. Vai trò thủ đô của Việt Nam không cộng sản đã biến mất chỉ sau một đêm, binh lính đã biến mất, và nhiều tướng lĩnh, chính trị gia và công chức của Việt Nam vào thời điểm đó đang nhấp nhô trên boong tàu chiến ở Biển Đông, choàng trên vai những cái chăn của Hải quân Hoa Kỳ... **Đọc tiếp @ [TAI ĐÂY](#)**

❖ **Châu Về Hiệp Phố (Song Nhị).** Có biết bao chuyện hợp tan trên đời – thương hải tang điền – xưa nay từng xé lòng đứt ruột thế nhân. Trong đời tôi, đã bao lần trăm lòng trước những cuộc hợp tan não ruột – Ngày rời bỏ quê hương bán quán ra đi biệt đến bây giờ; ngày xách túi hành trang với vài bộ quần áo, từ già già đình, đành đoạn bỏ lại những yêu thương bịn rịn để ra đi "trình diện" vào tù, từ đó tôi cứ mãi nôn nao với những lần hợp tan, tan hợp. Khi rời Quảng Ninh về Thanh Hóa, nhìn lại phía sau núi rừng trùng điệp heo hút, tôi cứ mãi chập chờn với lẽ thịnh suy. Người cộng sản không thể lường trước được viễn ảnh của việc đưa hàng nghìn tù từ trong Nam ra rồi lại phải đưa trả về Nam... **Đọc tiếp @ [TAI ĐÂY](#)**

❖ **Những Kẻ Đứng Bên Lề (Nhật Tiến).** Hơn một năm nay, từ ngày theo dõi bài vở trên quý báo, tôi chưa bao giờ thấy quý báo đề cập đến một thành phần khác biệt trong cộng đồng. Đó là những người ra đi tị nạn từ phía bên kia. Ờ, nói như thế để quý báo dễ hiểu, chứ thực tình tôi không muốn sử dụng cái từ ngữ này, bởi vì ở thời điểm này, còn đem những chữ bên này hay bên kia để nhận diện và đánh giá về nhau là không còn đúng nữa. Tại sao ta không thể bước thêm một bước nữa để tới một chỗ không còn bên này, không còn bên kia, mà chỉ còn là chỗ đứng của tất cả những nạn nhân của chủ nghĩa Cộng sản hoặc ngay cả những sai lầm chính trị của bên này trong quá khứ. Một tập hợp như thế hẳn sẽ rộng rãi hơn nhiều chứ, phải không các ông?" **Đọc tiếp @ [TAI ĐÂY](#)**

❖ **Hồi ký tướng tá Sài Gòn xuất bản ở hải ngoại (P1).** ...Đầu năm 1965, Kỳ đã được phong tướng, làm ủy viên ngoại giao của thường vụ Hội đồng Quân lực Sài Gòn, tán thành sự kiện Mỹ đưa lực lượng thủy quân lục chiến đầu tiên tới Đà Nẵng tham chiến và ném bom miền Bắc. Sau khi đích thân lên máy bay chào từ biệt Nguyễn Khánh trong ngày Khánh ra nước ngoài, Kỳ và "nhóm tướng trẻ" nắm lấy quyền bính, loại thẳng cò các "tướng già", muốn độc quyền đứng dưới bóng tòa đại sứ Mỹ.

Đến giữa năm 1965, sau một loạt các biến động, chính phủ do ông Phan Huy Quát làm thủ tướng lung lay, dẫn đến cuộc họp triệu tập vội vàng đêm 12.6 với sự có mặt của quốc trưởng Phan Khắc Sửu mà Nguyễn Cao Kỳ ghi lại qua những dòng không mấy văn vẻ, đôi chỗ giọng điệu hơi xấc:

"Sửu có mặt tại phiên họp – với phần xác chứ không phải phần hồn, bởi vì không có một ai có thể bàn luận nghiêm chỉnh với ông già này về bất cứ một vấn đề gì được. Sửu luôn luôn nói lời nhại, giảng thuyết không mạch lạc về nguyên tắc thượng tôn pháp luật và cách xử sự khi làm chính trị. Rốt cuộc bất thành linh, Quát đập mạnh xuống bàn và không có một lời mở đầu nào cả, đã nói một cách cộc cằn: Tôi xin từ chức. Vì hội đồng quân lực đã chỉ định tôi làm thủ tướng, hôm nay tôi xin giao trả quyền hành thủ tướng lại cho hội đồng quân lực".

Như vậy, sau các "tướng già" bị loại, đến lượt các "chính khách già" tự phủ nhận đứng bên lề chính trường. Kỳ (và Thiệu) mau chân nhảy lên "bàn tiệc quốc gia" sau đêm đó.

Tìm Thủ tướng mới, Thiệu bảo: "Để cho thẳng Kỳ làm!" **Đọc tiếp**
@ <https://nghiencuuquoccte.org> (2016)